

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1218 /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2024

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ Y tế  
đặt hàng để tuyển chọn thuộc Chương trình khung nghiên cứu khoa học và  
công nghệ cấp Bộ Y tế giai đoạn đến 2025: Nghiên cứu phát triển, ứng dụng  
các kỹ thuật tiên tiến trong dự phòng bệnh, tật ở người**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

*Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 quy định  
chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính  
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công  
nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BYT ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Bộ  
trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc trách  
nhiệm của Bộ Y tế;*

*Xét Biên bản họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ  
cấp Bộ Y tế thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ cấp Bộ Y tế giai đoạn 2021  
– 2025 lĩnh vực Nghiên cứu phát triển, ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong dự  
phòng bệnh, tật ở người thành lập tại Phụ lục số 01 Quyết định số 551/QĐ-BYT  
ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo – Bộ Y tế.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục 01 (Một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ Y tế đặt hàng để tuyển chọn thuộc Chương trình khung nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ Y tế giai đoạn đến 2025: Nghiên cứu phát triển, ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong dự phòng bệnh, tật ở người tại phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế có trách nhiệm thông báo công khai danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ Y tế quy định tại

Điều 1 Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc Trang thông tin điện tử của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế để tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

**Điều 4.** Các Ông/Bà: Chánh văn phòng, Cục trưởng Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính và Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, K2ĐT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Liên Hương**

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ Y TẾ**

**Đặt hàng để tuyển chọn thuộc Chương trình khung nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ Y tế giai đoạn đến 2025:**

**Nghiên cứu phát triển, ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong dự phòng bệnh, tật ở người**

*(Kèm theo Quyết định số: 1218/QĐ-BYT ngày 10 / 5 /2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

TT	Tên đề tài	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
1	Đánh giá khoảng trống miễn dịch sởi, một số yếu tố ảnh hưởng và định hướng chiến lược tiêm chủng trọn đời phòng bệnh sởi tại Việt Nam	<p>1. Đánh giá khoảng trống miễn dịch của các lứa tuổi đối với bệnh sởi trên cả nước năm 2019 - 2023.</p> <p>2. Xác định một số yếu tố liên quan đến quyết định tiêm chủng vắc xin có thành phần sởi tại một số tỉnh năm 2024.</p> <p>3. Đánh giá tác động của chương trình tiêm chủng phòng sởi trong việc giảm tỷ lệ mắc bệnh và tỷ lệ tử vong do sởi trong dân số.</p>	<p>1. Báo cáo tỷ lệ % đối tượng có kháng thể IgG kháng vi rút sởi; nồng độ kháng thể IgG sởi theo giới, độ tuổi và khu vực địa lý (tỉnh).</p> <p>2. Báo cáo tỷ lệ % bà mẹ có kiến thức đúng về bệnh sởi; tỷ lệ % bà mẹ có kiến thức đúng về tiêm phòng vắc xin phòng bệnh sởi; các yếu tố quyết định việc bà mẹ đồng ý/ không đồng ý cho con đi tiêm chủng vắc xin phòng bệnh sởi;</p> <p>3. Mối liên quan giữa các yếu tố (ví dụ: khoảng cách đến điểm tiêm, thời gian chờ ở điểm tiêm chủng, thái độ của nhân viên y tế...) và quyết định cho/không cho con tiêm chủng vắc xin phòng bệnh sởi; tỷ lệ tiêm đủ 2 liều vắc xin phòng bệnh sởi (theo giới, tỉnh...); tỷ lệ mắc sởi theo thời gian, tỉnh, giới, nhóm tuổi, tình trạng tiêm chủng; hệ số mùa dịch, tiền sử tiếp xúc, tiền sử di chuyển.</p> <p>4. Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu</p> <p>5. Một (01) bài báo đăng trên các tạp chí uy tín trong nước</p> <p>6. Đào tạo 01 tiến sĩ hoặc 01 thạc sĩ</p>	Tuyển chọn	

**Tổng số: 01 nhiệm vụ**